

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-32
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-32

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 07 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Trần Quý Tài	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014
Ông Hoàng Văn Điều	Tổng Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm ngày 01/07/2014
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phượng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 07 năm 2014, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Hoàng Văn Điều - chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành

Hoàng Văn Điều

Chủ tịch HĐQT

TP HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Số: /2014/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		91.388.314.291	92.235.764.657
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.488.132.522	17.584.518.588
111	1. Tiền		9.988.132.522	11.084.518.588
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.500.000.000	6.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	300.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.068.888.333	18.021.741.079
131	1. Phải thu của khách hàng		14.784.943.500	16.174.960.394
132	2. Trả trước cho người bán		732.918.543	310.700.543
135	5. Các khoản phải thu khác	4	1.945.436.669	1.930.490.521
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(394.410.379)	(394.410.379)
140	IV. Hàng tồn kho	5	52.221.198.939	54.681.574.456
141	1. Hàng tồn kho		52.221.198.939	54.681.574.456
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.610.094.497	1.647.930.534
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.061.537.064	1.117.389.310
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		531.891.612	529.203.867
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		16.665.821	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	1.337.357
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		114.154.080.503	119.102.858.045
220	II. Tài sản cố định		51.682.344.057	55.640.405.632
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	46.409.819.217	50.265.800.284
222	- Nguyên giá		123.976.467.769	124.797.830.804
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(77.566.648.552)	(74.532.030.520)
227	3. Tài sản cố định vô hình	7	5.034.871.749	5.136.952.257
228	- Nguyên giá		6.637.088.088	6.724.538.088
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.602.216.339)	(1.587.585.831)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		237.653.091	237.653.091
240	III. Bất động sản đầu tư	8	37.888.263.699	38.849.600.463
241	- Nguyên giá		52.456.972.189	52.456.972.189
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.568.708.490)	(13.607.371.726)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	22.473.167.683	22.152.119.529
251	1. Đầu tư vào công ty con		14.600.000.000	17.200.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		8.700.000.001	8.700.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		122.329.200	122.329.200
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(949.161.518)	(3.870.209.671)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.110.305.064	2.460.732.421
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.110.305.064	2.460.732.421
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		205.542.394.794	211.338.622.702

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		14.964.983.860	20.887.401.937
310	I. Nợ ngắn hạn		14.964.983.860	20.887.401.937
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	7.436.277.409
312	2. Phải trả người bán		10.591.074.369	7.207.203.676
313	3. Người mua trả tiền trước		814.125.068	2.092.233.001
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	11.665.964	14.536.609
315	5. Phải trả người lao động		588.781.000	1.568.679.199
316	6. Chi phí phải trả		75.227.637	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	3.044.412.308	2.728.774.529
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(160.302.486)	(160.302.486)
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		190.577.410.934	190.451.220.765
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	190.577.410.934	190.451.220.765
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		53.562.120.000	53.562.120.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		145.825.164.443	145.825.164.443
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
414	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.477.656.109	1.477.656.109
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.890.894.333	2.890.894.333
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.652.787.391)	(3.778.977.560)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		205.542.394.794	211.338.622.702

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.388.433.438	1.388.433.438
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		7.792,62	81.121,79
- Đồng Euro (EUR)		299,66	305,12

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Điều
Chủ tịch HĐQT

TP HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	51.942.639.638	45.573.226.059
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15	874.149.688	111.965.928
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	51.068.489.950	45.461.260.131
11	4. Giá vốn hàng bán	17	48.263.759.050	43.062.465.892
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.804.730.900	2.398.794.239
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	917.589.899	827.878.972
22	7. Chi phí tài chính	19	191.572.764	406.932.206
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>101.608.380</i>	<i>274.998.364</i>
24	8. Chi phí bán hàng		899.237.423	786.042.420
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	2.483.433.299	1.958.596.404
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		148.077.313	75.102.181
31	11. Thu nhập khác		34.707.856	134.032.326
32	12. Chi phí khác		56.595.000	151.040.224
40	13. Lợi nhuận khác		(21.887.144)	(17.007.898)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		126.190.169	58.094.283
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		126.190.169	58.094.283

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lậpNguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởngHoàng Văn Điều
Chủ tịch HĐQT

TP HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		126.190.169	58.094.283
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		5.459.870.339	5.436.331.109
03	- Các khoản dự phòng		(2.921.048.153)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(14.461.467)	42.629.610
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		359.320.639	(779.513.828)
06	- Chi phí lãi vay		101.608.380	274.998.364
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.111.479.907	5.032.539.538
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.491.336.537	958.933.304
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.460.375.517	2.577.675.642
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.420.936.530	(9.889.788.307)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		406.279.603	(736.709.873)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(101.608.380)	(274.998.364)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		302.290.640	199.835.962
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.204.640.138)	(675.924.841)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.886.450.216	(2.808.436.939)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(746.110.398)	(3.364.660.126)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		34.545.456	112.727.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(4.450.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		300.000.000	50.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.500.000.001)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.100.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		264.181.435	573.230.159
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.452.616.492	(7.078.702.694)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		11.882.935.588	11.833.404.350
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(19.319.212.997)	(15.858.468.362)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.438.800)	(8.596.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.437.716.209)	(4.033.660.212)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.901.350.499	(13.920.799.845)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		17.584.518.588	26.091.918.679
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.263.435	2.500.237
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>20.488.132.522</u>	<u>12.173.619.071</u>

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Điều
Chủ tịch HĐQT

TP HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuê công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 07 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 53.562.120.000 đồng; tương đương 5.356.212 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 27 tháng 07 năm 2009 với mã giao dịch là ALT.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm trò chơi giáo dục - giải trí;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, vali, túi xách, nước hoa, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồng hồ, mắt kính, đồ chơi, đồ thể thao, chăn - ga- nệm- gối, hàng ngũ kim, đồ gia dụng (trừ dược phẩm); đồ trang trí nội - ngoại thất, hàng kim khí điện máy - điện lạnh, lương thực - thực phẩm, thức ăn nhanh, nước uống các loại, bánh kẹo, đồ hộp, nông sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ họa, vẽ mỹ thuật;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: Bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm, săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite, sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Mua bán: Văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn và không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	04 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	10	năm
- Phần mềm quản lý	04 - 06	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất (tại thửa đất Lô II-3 đường số 11 Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh. Diện tích 9.987 m², thời hạn sử dụng đến ngày 17/6/2047) và phần mềm quản lý. Trong đó quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng là 42 năm.

2.8 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 35	năm
--------------------------	---------	-----

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

2.10. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.15 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.786.960.621	2.594.110.744
Tiền gửi ngân hàng	6.201.171.901	8.490.407.844
Các khoản tương đương tiền	10.500.000.000	6.500.000.000
	<u>20.488.132.522</u>	<u>17.584.518.588</u>

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng với lãi suất là 5,5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	7.267.372	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	5.380.401	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	564.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	61.083.000	68.583.000
Phải thu tiền cho mượn không tính lãi	1.081.496.000	1.800.000.000
Phải thu khác	226.209.896	61.907.521
	<u>1.945.436.669</u>	<u>1.930.490.521</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.951.236.571	38.931.750.971
Công cụ, dụng cụ	746.360.786	1.027.493.552
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.413.682.345	2.294.255.066
Thành phẩm	12.752.860.936	10.842.998.858
Hàng hoá	1.357.058.301	1.585.076.009
	<u>52.221.198.939</u>	<u>54.681.574.456</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

6 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	6.237.885.093	486.652.995	6.724.538.088
Thanh lý, nhượng bán	-	(87.450.000)	(87.450.000)
Tại ngày 30/06/2014	6.237.885.093	399.202.995	6.637.088.088
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	1.232.635.966	354.949.865	1.587.585.831
Trích khấu hao	74.705.208	27.375.300	102.080.508
Thanh lý, nhượng bán	-	(87.450.000)	(87.450.000)
Tại ngày 30/06/2014	1.307.341.174	294.875.165	1.602.216.339
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	5.005.249.127	131.703.130	5.136.952.257
Tại ngày 30/06/2014	4.930.543.919	104.327.830	5.034.871.749

8 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	52.456.972.189	52.456.972.189
Tại ngày 30/06/2014	52.456.972.189	52.456.972.189
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	13.607.371.726	13.607.371.726
Trích khấu hao	961.336.764	961.336.764
Tại ngày 30/06/2014	14.568.708.490	14.568.708.490
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	38.849.600.463	38.849.600.463
Tại ngày 30/06/2014	37.888.263.699	37.888.263.699

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	14.600.000.000	17.200.000.000
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương ⁽¹⁾	-	5.100.000.000
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc ⁽²⁾	4.600.000.000	2.100.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	8.700.000.001	8.700.000.000
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4.700.000.000	4.700.000.000
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	4.000.000.001	4.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	122.329.200	122.329.200
Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm Đồng Nai	62.829.200	62.829.200
Cổ phiếu Công ty CP Giấy Lệ Hoa	59.500.000	59.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(949.161.518)	(3.870.209.671)
Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	-	(1.740.497.595)
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	(949.161.518)	(2.129.712.076)
	22.473.167.683	22.152.119.529

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất và dịch vụ

(1) Trong kỳ, Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương đã giải thể, vì vậy đến thời điểm 30/06/2014 Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương không còn là công ty con của Công ty.

(2) Theo Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ/2014 ngày 15/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và Nghị quyết số 01-05/NQHĐQT/2014 ngày 15/05/2014 của Hội đồng quản trị, Công ty cam kết sẽ tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc lên 20 tỷ đồng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47,00%	47,00%	In ấn và quảng cáo

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 30/06/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	50,00%	Sản xuất các loại thẻ thông minh bằng giấy

Trong kỳ, đối tác liên doanh trong Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt đã có biên bản thỏa thuận đồng ý nhượng lại toàn bộ phần vốn góp của mình cho Công ty. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa hoàn thành thủ tục để chuyển đổi chủ sở hữu và Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt đang tạm dừng hoạt động, nên khoản đầu tư này Công ty vẫn đang trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	325.790.156	437.592.931
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm Hội nghị Tiệc cưới	555.487.951	669.339.224
Chi phí xây dựng các chương trình ca nhạc	14.650.000	48.700.000
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	511.777.975	567.608.300
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	551.324.694	568.392.563
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	151.274.288	169.099.403
	2.110.305.064	2.460.732.421

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	11.665.964	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	14.536.609
	11.665.964	14.536.609

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	27.837.393
Bảo hiểm y tế	-	1.992.808
Bảo hiểm thất nghiệp	-	400.590
Phải trả cổ tức cho cổ đông	20.377.200	21.816.000
Phải trả người lao động	1.834.625.342	1.834.625.342
Phải trả tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1.096.256.552	796.256.552
Phải trả, phải nộp khác	93.153.214	45.845.844
	3.044.412.308	2.728.774.529

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN VẤN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.562.120.000	53.562.120.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>53.562.120.000</i>	<i>53.562.120.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>53.562.120.000</i>	<i>53.562.120.000</i>

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.356.212	5.356.212
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.356.212	5.356.212
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.356.212</i>	<i>5.356.212</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	435.814	435.814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>435.814</i>	<i>435.814</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.920.398	4.920.398
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.920.398</i>	<i>4.920.398</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.477.656.109	1.477.656.109
Quỹ dự phòng tài chính	2.890.894.333	2.890.894.333
	4.368.550.442	4.368.550.442

14 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	41.386.040.443	38.608.925.610
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.556.599.195	6.964.300.449
	51.942.639.638	45.573.226.059

15 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	15.585.818	-
Hàng bán bị trả lại	858.563.870	111.965.928
	874.149.688	111.965.928

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

16 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa	40.511.890.755	38.496.959.682
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10.556.599.195	6.964.300.449
	51.068.489.950	45.461.260.131

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	39.053.378.041	36.314.011.492
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.210.381.009	6.748.454.400
	48.263.759.050	43.062.465.892

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	256.681.435	406.397.159
Cổ tức, lợi nhuận được chia	564.000.000	376.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	82.446.997	45.481.813
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	14.461.467	-
	917.589.899	827.878.972

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	101.608.380	274.998.364
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	1.214.547.530	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	55.967.412	89.304.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	42.629.610
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.180.550.558)	-
	191.572.764	406.932.206

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	79.483.149	133.206.984
Chi phí nhân công	1.188.230.144	640.671.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	560.550.287	443.207.931
Thuế, phí, lệ phí	16.887.954	18.924.345
Chi phí dịch vụ mua ngoài	262.123.337	374.613.410
Chi phí khác bằng tiền	376.158.428	347.972.510
	2.483.433.299	1.958.596.404

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	126.190.169	58.094.283
Các khoản điều chỉnh tăng	50.595.000	-
- Chi phí không hợp lệ	50.595.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(10.090.383.158)	(9.411.740.416)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(564.000.000)	(376.000.000)
- Chuyển lỗ các năm trước	(9.526.383.158)	(9.035.740.416)
Tổng thu nhập tính thuế	(9.913.597.989)	(9.353.646.133)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	-	-

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.220.262.508	31.402.575.870
Chi phí nhân công	5.956.242.962	6.184.596.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.239.855.746	4.219.023.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.605.614.164	1.984.425.099
Chi phí khác bằng tiền	1.475.650.668	1.061.060.909
	44.497.626.048	44.851.681.118

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.488.132.522	-	17.584.518.588	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.730.380.169	(394.410.379)	18.105.450.915	(394.410.379)
Đầu tư ngắn hạn	-	-	300.000.000	-
Đầu tư dài hạn	122.329.200	-	122.329.200	-
	37.340.841.891	(394.410.379)	36.112.298.703	(394.410.379)

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	7.436.277.409
Phải trả người bán, phải trả khác	13.635.486.677	9.935.978.205
Chi phí phải trả	75.227.637	-
	13.710.714.314	17.372.255.614

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.488.132.522	-	-	20.488.132.522
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.335.969.790	-	-	16.335.969.790
Đầu tư dài hạn	-	122.329.200	-	122.329.200
	36.824.102.312	122.329.200	-	36.946.431.512
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.584.518.588	-	-	17.584.518.588
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.711.040.536	-	-	17.711.040.536
Cho vay ngắn hạn	300.000.000	-	-	300.000.000
Đầu tư dài hạn	-	122.329.200	-	122.329.200
	35.595.559.124	122.329.200	-	35.717.888.324

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	13.635.486.677	-	-	13.635.486.677
Chi phí phải trả	75.227.637	-	-	75.227.637
	<u>13.710.714.314</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>13.710.714.314</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	7.436.277.409	-	-	7.436.277.409
Phải trả người bán, phải trả khác	9.935.978.205	-	-	9.935.978.205
	<u>17.372.255.614</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>17.372.255.614</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.511.890.755	10.556.599.195	51.068.489.950
Chi phí bộ phận trực tiếp	39.053.378.041	9.210.381.009	48.263.759.050
Lợi nhuận gộp	1.458.512.714	1.346.218.186	2.804.730.900
Tài sản bộ phận trực tiếp	114.235.817.541	45.655.086.677	159.890.904.218
Tài sản không phân bổ	-	-	45.651.490.576
Tổng tài sản	114.235.817.541	45.655.086.677	205.542.394.794
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	7.775.495.390	4.801.188.236	12.576.683.626
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	2.388.300.234
Tổng nợ phải trả	7.775.495.390	4.801.188.236	14.964.983.860

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng	6 tháng
		đầu năm 2014	đầu năm 2013
		VND	VND
Góp vốn vào công ty			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	2.500.000.000	-
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	1	-
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	1.007.966.634	794.728.700
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	1.846.756.061	-
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	834.705.192	866.716.834
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	219.789.055	265.823.565
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	57.229.492	84.532.969
Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	Công ty con	-	17.681.960
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	4.419.827.392	17.681.960
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	-	602.000
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	-	4.086.364
Cổ tức, lợi nhuận được chia			
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	564.000.000	376.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu tiền hàng			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	1.108.763.290	115.684.643
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	2.027.859.187	-
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	303.718.741	370.558.417
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	304.914.781	173.675.171
Phải thu khác			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	1.081.496.000	1.800.000.000
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	564.000.000	-
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	61.083.000	61.083.000
Phải trả tiền hàng			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	48.353.736	110.203.616
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	3.311.810.134	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	381.628.705	139.013.000

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập

Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng

Hoàng Văn Điều
 Chủ tịch HĐQT

TP HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

6 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2014	24.129.366.401	97.209.259.886	3.136.149.894	216.796.523	106.258.100	124.797.830.804
Mua sắm	-	540.472.000	-	-	-	540.472.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.361.835.035)	-	-	-	(1.361.835.035)
Tại ngày 30/06/2014	24.129.366.401	96.387.896.851	3.136.149.894	216.796.523	106.258.100	123.976.467.769
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	12.313.607.024	60.624.970.782	1.401.424.646	134.573.642	57.454.426	74.532.030.520
Trích khấu hao	646.148.688	3.620.556.384	111.767.136	12.667.955	5.312.904	4.396.453.067
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.361.835.035)	-	-	-	(1.361.835.035)
Tại ngày 30/06/2014	12.959.755.712	62.883.692.131	1.513.191.782	147.241.597	62.767.330	77.566.648.552
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	11.815.759.377	36.584.289.104	1.734.725.248	82.222.881	48.803.674	50.265.800.284
Tại ngày 30/06/2014	11.169.610.689	33.504.204.720	1.622.958.112	69.554.926	43.490.770	46.409.819.217

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.873.698.375 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2013								
Tại ngày 01/01/2013	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	1.477.656.109	2.890.894.333	(4.228.334.818)	190.001.863.507
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	58.094.283	58.094.283
Tại ngày 30/06/2013	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	1.477.656.109	2.890.894.333	(4.170.240.535)	190.059.957.790
6 tháng đầu năm 2014								
Tại ngày 01/01/2014	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	1.477.656.109	2.890.894.333	(3.778.977.560)	190.451.220.765
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	126.190.169	126.190.169
Tại ngày 30/06/2014	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	1.477.656.109	2.890.894.333	(3.652.787.391)	190.577.410.934

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2014	Tỷ lệ	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	9.015.820.000	16,83%	9.015.820.000	16,83%
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	6.519.830.000	12,17%	6.519.830.000	12,17%
Ông Hoàng Văn Điều	4.964.500.000	9,27%	4.964.500.000	9,27%
Bà Lại Thị Hồng Điệp	3.052.000.000	5,70%	3.052.000.000	5,70%
Ông La Thế Nhân	2.534.740.000	4,73%	2.534.740.000	4,73%
Cổ phiếu quỹ	4.358.140.000	8,14%	4.358.140.000	8,14%
Các cổ đông khác	23.117.090.000	43,16%	23.117.090.000	43,16%
	53.562.120.000	100%	53.562.120.000	100%